



ỔNG TIGER

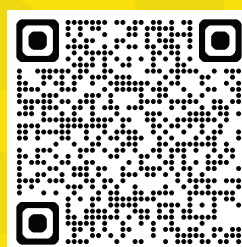
Sản phẩm của **B.M. NHỰA BÌNH MINH**



Quét mã xem chi tiết



Zalo **ỔNG TIGER**



f **ỔNG TIGER**



Liên hệ mua hàng tại:



ỔNG TIGER

Sản phẩm của **B.M. NHỰA BÌNH MINH**

ỔNG NHỰA PVC CỨNG HỆ INCH – TIGER
PVC-U Pipes inch series - TIGER



VILAS 1436
ISO/IEC 17025:2017



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH
Số 240 Hậu Giang, Phường Bình Tây, Tp. HCM, Việt Nam
Website: www.binhminhplastic.com.vn
Điện thoại: (+84 28) 3969 0973

VẬT LIỆU

Ống nhựa PVC cứng – Hệ inch – Tiger được sản xuất từ hợp chất nhựa PVC không hóa dẻo.

LĨNH VỰC ỨNG DỤNG

Thích hợp sử dụng cho hệ thống ống dẫn nước cấp và thoát chịu áp lực, phù hợp cho các lĩnh vực:

- Hệ thống ống dẫn nước uống và sinh hoạt.
- Hệ thống ống dẫn nước tưới tiêu nông nghiệp.
- Hệ thống ống dẫn nước nuôi trồng thủy hải sản.
- Hệ thống ống dẫn nước công nghiệp.
- Hệ thống thoát nước thải, thoát nước mưa,...

TÍNH CHẤT VẬT LÝ

- Tỷ trọng: 1.4 g/cm³
- Hệ số giãn nở nhiệt: 0.08 mm/m°C
- Điện trở suất bề mặt: 10¹³ Ω
- Nhiệt độ làm việc cho phép: 0 đến 45 °C

TÍNH CHẤT HÓA HỌC

- Chịu được
 - Các loại dung dịch axit
 - Các loại dung dịch kiềm
- Không chịu được
 - Các axit đậm đặc có tính oxy hóa
 - Các loại dung môi hợp chất thơm

ÁP SUẤT LÀM VIỆC

Áp suất làm việc: Áp suất tối đa cho phép tương ứng với nhiệt độ của nước lên đến 45°C. Áp suất làm việc được tính theo công thức:

$$P_w = K \times P_N$$

Trong đó:

- P_w** : Áp suất làm việc
K : Hệ số giảm áp đối với nhiệt độ của nước.
 Giá trị K được xác định bằng bảng 1 hoặc hình 1
P_N : Áp suất danh nghĩa

Bảng 1: Hệ số K của ống PVC cứng.

Table 1: K factor for PVC-U pipes

Nhiệt độ nước, °C Water temperature	Hệ số giảm áp, K Pressure loss coefficient
≤ 25	1.00
25 < t ≤ 35	0.80
35 < t ≤ 45	0.63

Note: For more accurate calculations, K taken from figure 1.

MATERIAL

PVC-U pipes – Inch series – Tiger are manufactured from unplasticised polyvinyl chloride polymer compound.

FIELDS OF APPLICATION

Suitable for water supply and drainage piping systems under pressure, including the following applications:

- Potable and domestic water supply systems.
- Agricultural irrigation systems.
- Aquaculture systems.
- Industrial water supply systems.
- Wastewater and rainwater drainage systems.

PHYSICAL PROPERTIES

- Density: 1.4 g/cm³
- Coefficient of linear expansion: 0.08 mm/m°C
- Surface resistivity: 10¹³ Ω
- Allow working temperature: 0 đến 45 °C

CHEMICAL PROPERTIES

- Resistance to
 - Acid solutions
 - Alkaline solutions
- Not resistance to
 - Oxidizing acids
 - Aromatic solvents

WORKING PRESSURE

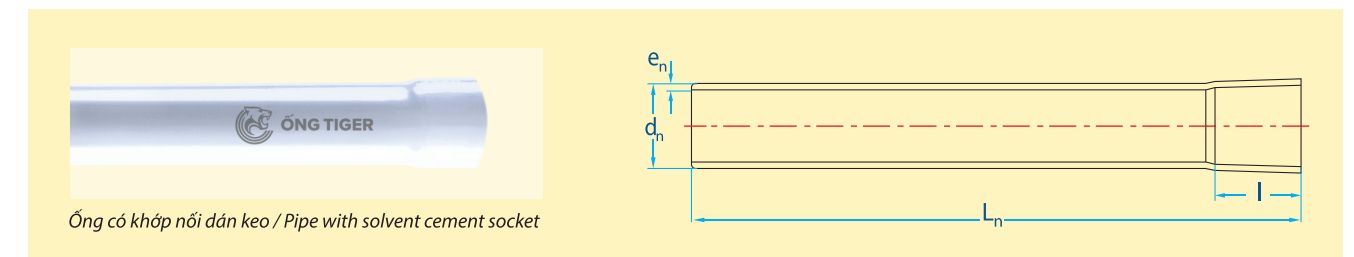
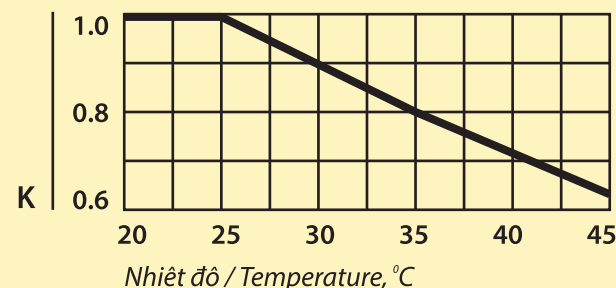
Working pressure: The maximum allowable pressure corresponds to the temperature of the water up to 45°C. The working pressure is calculated according to the formula:

$$P_w = K \times P_N$$

Where:

- P_w** : Working pressure
K : Pressure losses coefficient for water temperature. K is given in table 1 or figure 1
P_N : Nominal pressure

Hình 1: Biểu đồ K đối với ống PVC cứng
 Fig. 1: Chart of K for PVC-U pipes



Ống có khớp nối dán keo / Pipe with solvent cement socket

STT	Kích thước danh nghĩa <i>Nominal Dimension</i>		Loại ống <i>Pipe size</i>	Áp suất danh nghĩa <i>Nominal pressure</i>	Đường kính ngoài danh nghĩa <i>Nominal outside diameter</i>	Bề dày danh nghĩa <i>Nominal wall thickness</i>	Chiều dài khớp nối <i>Socket length</i>		Chiều dài danh nghĩa <i>Nominal length</i>	
	DN / OD		Size	PN	d _n	e _n	l	L _b	L _n	
	mm	inch	mm x mm	bar	mm	mm	mm	mm	m	m
1	21	½	21 x 1.2	10	21.3	1.2	30	-	4.0	6.0
2	27	¾	27 x 1.3	10	26.7	1.3	35	-	4.0	6.0
3	34	1	34 x 1.4	8	33.5	1.4	40	-	4.0	6.0
4	42	1¼	42 x 1.3	6	42.2	1.3	44	-	4.0	6.0
5	42	1¼	42 x 1.7	8	42.2	1.7	44	-	4.0	6.0
6	49	1½	49 x 1.5	6	48.2	1.5	55	-	4.0	6.0
7	49	1½	49 x 1.8	8	48.2	1.8	55	-	4.0	6.0
8	60	2	60 x 1.8	6	60.2	1.8	63	-	4.0	6.0
9	90	3	90 x 2.0	4	88.8	2.0	64	-	4.0	6.0
10	90	3	90 x 2.6	6	88.8	2.6	64	-	4.0	6.0
11	114	4	114 x 2.2	4	114.1	2.2	100	124	4.0	6.0
12	114	4	114 x 3.1	6	114.1	3.1	100	124	4.0	6.0

Ghi chú:

- PN: Áp suất danh nghĩa, áp suất làm việc ở 20°C.
- Ống có khớp nối dán keo: DN 21mm đến DN 114mm.
- Những hình ảnh trên chỉ mang tính minh họa.
- Để có nhiều thông tin hơn, xin vui lòng liên hệ Công ty.

Notes:

- PN: Nominal pressure, working pressure at 20°C.
- Pipes have solvent cement socket: DN 21mm to DN 114mm.
- The above images are for illustrative purposes only.
- For more information, please contact us.

HƯỚNG DẪN KẾT NỐI / CONNECTION GUIDE